

Số: 1396/BC-ĐHDL

Lâm Đồng, ngày 27 tháng 8 năm 2024

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN Năm 2024

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, Trường Đại học Đà Lạt - Bộ Giáo dục và Đào tạo báo cáo công khai trong hoạt động năm 2023, cụ thể như sau:

### I. THÔNG TIN CHUNG:

#### 1.1 Tên cơ sở giáo dục:

- Tên tiếng Việt: Trường Đại học Đà Lạt - Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Tên tiếng Anh: DaLat University.

#### 1.2 Địa chỉ:

- Trụ sở: Số 01 Phù Đổng Thiên Vương, Đà Lạt, Lâm Đồng
- Điện thoại: (84.0263) 3822246
- Email: daihocdalat@dlu.edu.vn
- Website: <https://dlu.edu.vn/>

#### 1.3 Loại hình: Công lập, trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo.

#### 1.4 Sứ mạng, định hướng và giá trị cốt lõi của Trường Đại học Đà Lạt:

##### (1) Sứ mạng

Trường Đại học Đà Lạt có sứ mạng:

- Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho khu vực Tây Nguyên và cả nước.
- Nghiên cứu khoa học, ứng dụng, chuyển giao công nghệ cho khu vực Tây Nguyên và phục vụ cộng đồng, đồng thời thực hiện trách nhiệm phục vụ cộng đồng.

##### (2) Định hướng

Đến năm 2030, là trường đại học được kiểm định theo các tiêu chuẩn của Mạng lưới bảo đảm chất lượng các trường đại học Đông Nam Á.

Đến năm 2030, phát triển Trường Đại học Đà Lạt thành Đại học Đà Lạt.

##### (3) Giá trị cốt lõi và văn hóa

#### Thụ nhân – Khai phóng – Bản sắc

**Thụ nhân:** Phương châm giáo dục nhân bản, nhân văn trong sự nghiệp trồng người; đào tạo nhân lực toàn diện tài đức để xây dựng đất nước, hướng đến tương lai lâu dài.

**Khai phóng:** Giáo dục khai phóng (Liberal Arts Education) giúp hình thành những cá nhân toàn diện ở nhiều lĩnh vực: những cá nhân có phẩm chất đạo đức, có nền tảng tri thức, tư duy mở và liên ngành, có kỹ năng và tinh thần tự học; những giá trị quan trọng của giáo dục khai phóng: kỹ năng giải quyết vấn đề phức tạp, tư duy phản biện và khả năng sáng tạo, thích ứng với sự thay đổi không ngừng của xã hội.

**Bản sắc:** Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, bản sắc Trường Đại học Đà Lạt; gắn với định hướng phát huy phong cách người Đà Lạt hiền hòa, thanh lịch, mến khách.

### **1.5 Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:**

Năm 1958 - 1975: Viện Đại học Đà Lạt chính thức hoạt động, gồm 4 trường (phân khoa): Sư phạm, Văn khoa, Khoa học, Chánh trị – Kinh doanh.

Năm 1976: Trường Đại học Đà Lạt được thành lập trên cơ sở Viện Đại học Đà Lạt.

Năm 1977 - 1989: Là một trong bốn đại học tổng hợp của Việt Nam, đào tạo các ngành khoa học tự nhiên và nhân văn: Toán học, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Ngữ văn, Lịch sử.

Năm 1990 - 1997: Tiên phong chuyển đổi đào tạo từ hệ thống niên chế sang hệ thống tín chỉ, mở rộng quy mô và đa dạng hóa ngành, bậc, và hệ đào tạo.

Năm 1998 đến nay: Phát triển thành trường đại học đa ngành, đa lĩnh vực; khẳng định vị thế vững chắc là trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ có uy tín cao ở khu vực Tây Nguyên và Duyên hải Nam Trung Bộ, có vị trí quan trọng trong hệ thống giáo dục đại học quốc gia

Năm 2030: Tầm nhìn 2030 phát triển thành Đại học Đà Lạt với ít nhất ba trường thành viên. Hướng đến mục tiêu trở thành một trung tâm ưu tú trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng của Việt Nam và khu vực Đông Nam Á. Ưu tiên phát triển: Toán học; Khoa học TN – CN; Khoa học XH – NV và Sư phạm; QTKD – Tài chính – Ngân hàng – Du lịch – Luật học; và các ngành ngôn ngữ.

### **1.6 Thông tin người đại diện:**

Họ tên: **TS. Lê Minh Chiến**

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Nhà A1, Số 01 Phù Đổng Thiên Vương, Đà Lạt, Lâm Đồng.

Số điện thoại: (84.0263) 3822246

Email: [chienlm@dlu.edu.vn](mailto:chienlm@dlu.edu.vn)

### **1.7 Tổ chức bộ máy:**

a) Quyết định thành lập Trường Đại học Đà Lạt: Số 426/TTg ngày 27/10/1976 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Hội đồng trường:

- Quyết định công nhận Hội đồng trường: Số 694/QĐ-BGDĐT ngày 10/03/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Hội đồng Trường Đại học Đà Lạt nhiệm kỳ 2019 - 2024 gồm 19 thành viên.

- Quyết định công nhận Chủ tịch Hội đồng trường: Số 695/QĐ-BGDĐT ngày 10/03/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công nhận TS. Nguyễn Văn Vinh giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng trường Trường Đại học Đà Lạt nhiệm kỳ 2019 – 2024

- Danh sách thành viên Hội đồng trường nhiệm kỳ 2019 – 2024:

STT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị công tác
1	Ông Lê Minh Chiến	Bí thư Đảng ủy, Hiệu trưởng Trường Đại học Đà Lạt.
2	Ông Nguyễn Văn Vinh	Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng Trường ĐHQĐ-LĐ

3	Bà Lê Thị Quỳnh Hảo	Đảng ủy viên, Chủ tịch Công đoàn Trường ĐHDL
4	Bà Hoàng Ngọc Loan	Đại diện BCH Đoàn TNCS HCM – người học
5	Ông Vũ Thanh Bình	Phó Vụ trưởng, Vụ Khoa học, CN & MT, Bộ GDĐT
6	Ông Nguyễn Văn Bảo	Phó Tổng giám đốc Công ty Agrivina (Đà Lạt Hasfarm)
7	Bà Võ Thị Hảo	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lâm Đồng
8	Ông Trần Việt Hùng	Nguyên Phó Chánh văn phòng Trung ương Đảng
9	Ông Dương Tấn Nhựt	Phó Viện trưởng Viện Nghiên cứu khoa học Tây Nguyên
10	Ông Johnathan Hạnh Nguyễn	Chủ tịch tập đoàn Liên Thái Bình Dương (IPPG)
11	Ông Nguyễn Cảnh Chương	Phó Trưởng phòng QLKH-HTQT, Trường Đại học Đà Lạt
12	Bà Trịnh Thị Diệp	Trưởng khoa Hóa học và Môi trường, Trường ĐHDL
13	Ông Đặng Thanh Hải	Giảng viên Khoa Toán – Tin học, Trường Đại học Đà Lạt
14	Ông Mai Minh Nhật	Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Phó Hiệu trưởng Trường ĐHDL
15	Ông Trần Văn Tiến	Trưởng khoa Sinh học, Trường Đại học Đà Lạt
16	Ông Trần Hữu Duy	Đảng ủy viên, Trưởng phòng Quản lý Đào tạo, Trường ĐHDL
17	Ông Lê Vũ Đình Phi	Trưởng khoa Sư phạm, Trường Đại học Đà Lạt
18	Ông Nguyễn Tất Thắng	Đảng ủy viên, Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Đà Lạt
19	Ông Trần Thông	Đảng ủy viên, Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Đà Lạt

a) Quyết định bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng Trường Đại học Đà Lạt:  
 - TS. Lê Minh Chiến - Hiệu trưởng: Quyết định số 2279/QĐ-BGDĐT ngày 09/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công nhận chức vụ Hiệu trưởng Trường Đại học Đà Lạt.

- TS. Mai Minh Nhật - Phó Hiệu trưởng: Quyết định số 900/QĐ-ĐHDL-HĐT ngày 09/11/2020 của Chủ tịch Hội đồng Trường Đại học Đà Lạt về việc bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Đà Lạt.

- PGS. TS. Nguyễn Tất Thắng - Phó Hiệu trưởng: Quyết định số 899/QĐ-ĐHDL-HĐT ngày 09/11/2020 của Chủ tịch Hội đồng Trường Đại học Đà Lạt về việc bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Đà Lạt.

- ThS. Trần Thông - Phó Hiệu trưởng: Nghị quyết số 369/NQ-ĐHDL-HĐT ngày 16/5/2022 của Chủ tịch Hội đồng trường Trường Đại học Đà Lạt về việc bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Đà Lạt.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Đà Lạt:

Nghị quyết số 815/NQ-ĐHDL-HĐT ngày 20 tháng 10 năm 2020 của Hội đồng trường, Trường Đại học Đà Lạt nhiệm kỳ 2019 – 2024 về việc Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Đà Lạt.

Nghị quyết số 816/NQ-ĐHĐL-HĐT ngày 20 tháng 10 năm 2020 của Hội đồng trường, Trường Đại học Đà Lạt nhiệm kỳ 2019 – 2024 về việc Quy chế hoạt động của Hội đồng trường Trường Đại học Đà Lạt.

Nghị quyết số 887/NQ-HĐT ngày 31/7/2024 Sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị quyết số 815/NQ-HĐT ngày 20 tháng 10 năm 2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Đà Lạt về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Đà Lạt.

### **Chức năng**

(1) Đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ các ngành, chuyên ngành đào tạo được phê duyệt; đào tạo các trình độ khác; tổ chức các hình thức đào tạo, bồi dưỡng khác.

(2) Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, cung cấp các dịch vụ khoa học công nghệ.

(3) Hợp tác, liên kết trong và ngoài nước liên quan đến giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ.

(4) Thực hiện các chức năng khác gồm: Xây dựng và phát triển đội ngũ, kết cấu hạ tầng phục vụ đào tạo và nghiên cứu; phục vụ cộng đồng; quản lý viên chức và người lao động; tài chính, tài sản theo quy định của pháp luật.

### **Nhiệm vụ**

(1) Xây dựng chiến lược phát triển; kế hoạch hoạt động của Trường;

(2) Triển khai hoạt động giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế, bảo đảm chất lượng giáo dục đại học;

(3) Phát triển các chương trình đào tạo theo mục tiêu xác định; bảo đảm sự liên thông giữa các chương trình và trình độ đào tạo; thực hiện liên kết trong và ngoài nước;

(4) Tổ chức bộ máy; tuyển dụng, quản lý, xây dựng, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động;

(5) Quản lý người học; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của giảng viên, viên chức, nhân viên, cán bộ quản lý và người học; dành kinh phí để thực hiện chính sách xã hội đối với đối tượng được hưởng chính sách xã hội, đối tượng ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; bảo đảm môi trường sư phạm cho hoạt động giáo dục;

(6) Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo và chịu sự kiểm tra, thanh tra của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các bộ, ngành có liên quan theo quy định của pháp luật;

(7) Tự đánh giá chất lượng đào tạo và chịu sự kiểm định chất lượng giáo dục;

(8) Phục vụ cộng đồng;

(9) Các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

### **Quyền hạn**

(1) Được quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật;

(2) Được Nhà nước giao hoặc cho thuê đất, cơ sở vật chất; được miễn, giảm thuế theo quy định của pháp luật;

(3) Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực; xây dựng và tăng cường cơ sở vật chất, đầu tư trang thiết bị;

(4) Hợp tác với các tổ chức kinh tế, giáo dục, văn hóa, khoa học công nghệ, thể dục, thể thao, y tế trong nước và nước ngoài;

(5) Các quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc Trường Đại học Đà Lạt - Bộ Giáo dục và Đào tạo: ban hành kèm theo Nghị quyết số 815/NQ-ĐHDL-HĐT ngày 20/10/2020 của Hội đồng trường, Trường Đại học Đà Lạt nhiệm kỳ 2019 – 2024 về việc Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Đà Lạt.

**Sơ đồ tổ chức bộ máy của Trường gồm có:**

- (1) Hội đồng trường;
- (2) Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng;
- (3) Hội đồng Khoa học và Đào tạo và các hội đồng tư vấn khác;
- (4) Các đơn vị thuộc Trường: Các phòng chức năng (10 phòng), các khoa chuyên môn (17 khoa), Thư viện và Khu nội trú;
- (5) Các đơn vị trực thuộc Trường: Viện nghiên cứu (01 viện), Trung tâm (07 trung tâm).
- đ) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc:

STT	Đơn vị phòng ban	Quyết định	Ngày quyết định	Ghi chú
1	Khoa Toán - Tin học	4897/QĐ-BGD&ĐT-TCCB	05/12/1998	
2	Khoa Công nghệ Thông tin	3585/QĐ-BGD&ĐT-TCCB	07/07/2003	
3	Khoa Vật lý và Kỹ thuật hạt nhân	699/QĐ-ĐHDL	18/11/2019	
4	Khoa Hóa học và Môi trường	691/QĐ-ĐHDL	18/11/2019	
5	Khoa Sinh học	4897/QĐ-BGD&ĐT-TCCB	05/12/1998	
6	Khoa Ngữ văn và Lịch sử	700/QĐ-ĐHDL	18/11/2019	
7	Khoa Ngoại ngữ	4897/QĐ-BGD&ĐT-TCCB	05/12/1998	
8	Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh	4897/QĐ-BGD&ĐT-TCCB	05/12/1998	
9	Khoa Tài chính - Kế toán	222/QĐ-ĐHDL	15/03/2024	
10	Khoa Du lịch	3585/QĐ-BGD&ĐT-TCCB	07/07/2003	
11	Khoa Nông Lâm	3585/QĐ-BGD&ĐT-TCCB	07/07/2003	
12	Khoa Quốc tế học	72/QĐ-ĐHDL	17/02/2014	
13	Khoa Sư phạm	13091/QĐ-ĐT	12/04/1994	
14	Khoa Luật học	3585/QĐ-BGD&ĐT-TCCB	07/07/2003	

15	Khoa Xã hội học và Công tác xã hội	3585/QĐ-BGD&ĐT-TCCB	07/07/2003	
		698/QĐ-ĐHĐL	18/11/2019	<i>Đổi tên thành Khoa XHH &amp; CTXH</i>
16	Khoa Lý luận chính trị	37/QĐ-ĐHĐL	16/01/2014	
17	Khoa Giáo dục thể chất	38/QĐ-ĐHĐL	16/01/2014	
18	Phòng Tổ chức - Hành chính	227/QĐ-ĐHĐL	17/03/2014	<i>Đổi tên thành Phòng TC-HC</i>
19	Phòng Quản lý Đào tạo	204/QĐ/ĐHĐL/TC-HC	27/03/2008	
20	Phòng Tài chính	175/QĐ-ĐHĐL	03/03/2014	
21	Phòng Quản lý Đào tạo Sau Đại học	121/QĐ-ĐHĐL	08/03/2016	
22	Phòng Quản lý khoa học - Hợp tác Quốc tế	1161/TCCB-CTSV	24/12/1997	<i>Về việc thành lập phòng KH&amp;QHQT</i>
23	Phòng Chính trị và Công tác sinh viên	684/QĐ-ĐHĐL	15/11/2019	<i>Đổi tên thành Phòng CT&amp;CTSV</i>
24	Phòng Quản lý chất lượng	1142/QĐ/ĐHĐL/TC CB	31/12/2008	
		870/QĐ-ĐHĐL	16/12/2019	<i>Đổi tên thành Phòng QLCL</i>
25	Phòng Cơ sở Vật chất	173/QĐ-ĐHĐL	03/03/2014	
26	Phòng Tạp chí và Truyền thông	692/QĐ-ĐHĐL	18/11/2019	
27	Phòng Thanh tra - Pháp chế	968/QĐ-ĐHĐL	08/12/2021	
28	Khu Nội trú	982/QĐ-ĐHĐL	15/12/2021	
29	Thư viện	324/QĐ-ĐHĐL/TC-HC	12/11/2005	
30	Trung tâm Giáo dục đào tạo trí tuệ nhân tạo	612/QĐ-ĐHĐL	06/09/2021	
31	Trung tâm Phân tích và Kiểm định	872/QĐ-ĐHĐL	16/12/2019	
32	Trung tâm Công nghệ thông tin	122/QĐ-ĐHĐL	01/03/2017	
		24/QĐ-ĐHĐL	14/01/2020	<i>Đổi tên thành Trung tâm CNTT</i>
33	Trung tâm Hỗ trợ khởi nghiệp	123/QĐ-ĐHĐL	01/03/2017	
34	Trung tâm Ngoại ngữ và Đào tạo nguồn nhân lực	35/QĐ-ĐHĐL	16/01/2020	
35	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh	1046/QĐ-BGDĐT	26/03/2021	

36	Trung tâm Nghiên cứu Đa dạng sinh học và Biến đổi khí hậu	974/QĐ-ĐHĐL	10/12/2021	
37	Viện King Sejong Đà Lạt	603/QĐ-ĐHĐL	01/09/2021	

e) Họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc của lãnh đạo Trường và lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường:

Nơi làm việc: Trường Đại học Đà Lạt - Số 01 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, Đà Lạt, Lâm Đồng

Điện thoại: (84.0263) 3822246

TT	Họ tên	Chức vụ	Đơn vị	Email
1	Lê Minh Chiến	Hiệu trưởng	Ban Giám Hiệu	chienlm@dlu.edu.vn
2	Nguyễn Văn Vinh	CT. Hội đồng Trường	Hội đồng trường	vinhvn@dlu.edu.vn
3	Mai Minh Nhật	Phó Hiệu trưởng	Ban Giám Hiệu	nhatmm@dlu.edu.vn
4	Trần Thống	Phó Hiệu trưởng	Ban Giám Hiệu	thongt@dlu.edu.vn
5	Nguyễn Tất Thắng	Phó Hiệu trưởng	Ban Giám Hiệu	thangnt@dlu.edu.vn
6	Lê Thị Quỳnh Hào	Chủ tịch Công đoàn Trường	Khoa Quốc tế học	haoltq@dlu.edu.vn
7	Trần Ngô Như Khánh	Trưởng khoa	Khoa Công nghệ Thông tin	khanhtnn@dlu.edu.vn
8	Nguyễn Thị Lương	Phó Trưởng khoa	Khoa Công nghệ Thông tin	luongnt@dlu.edu.vn
9	Nguyễn Văn Anh	Trưởng khoa	Khoa Du lịch	anhvn@dlu.edu.vn
10	Nguyễn Thị Thanh Ngân	Phó Trưởng khoa	Khoa Du lịch	nganntt@dlu.edu.vn
11	Cao Thế Anh	Phó Trưởng khoa	Khoa Du lịch	anhct@dlu.edu.vn
12	Trần Quốc Hùng	Trưởng khoa	Khoa Giáo dục thể chất	hungtq@dlu.edu.vn
13	Trịnh Thị Điệp	Trưởng khoa	Khoa Hóa học và Môi trường	dieptt@dlu.edu.vn
14	Huỳnh Thanh Trúc	Phó Trưởng khoa	Khoa Hóa học và Môi trường	trucht@dlu.edu.vn
15	Nguyễn Trần Hương Giang	Phó Trưởng khoa	Khoa Hóa học và Môi trường	giangnth@dlu.edu.vn
16	Trương Thị Ngọc Thuyền	Trưởng khoa	Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh	thuyentn@dlu.edu.vn
17	Nguyễn Thị Phương Thảo	Phó Trưởng khoa	Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh	thaontp@dlu.edu.vn

18	Trần Nhật Thiện	Phó Trưởng khoa	Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh	thientn@dlu.edu.vn
19	Nguyễn Thị Loan	Trưởng khoa	Khoa Luật học	loannt@dlu.edu.vn
20	Trần Thị Ngọc Kim	Phó Trưởng khoa	Khoa Luật học	kimtn@dlu.edu.vn
21	Nguyễn Văn Nghiệp	Phó Trưởng khoa	Khoa Luật học	nghiepnv@dlu.edu.vn
22	Đinh Thị Hoàng Phương	Trưởng khoa	Khoa Lý luận chính trị	phuongdth@dlu.edu.vn
23	Hồ Thị Giáng Châu	Phó Trưởng khoa PT	Khoa Ngoại ngữ	chauhtg@dlu.edu.vn
24	Hứa Thị Tin	Phó Trưởng khoa	Khoa Ngoại ngữ	tinht@dlu.edu.vn
25	Trương Thị Mỹ Vân	Phó Trưởng khoa	Khoa Ngoại ngữ	vanttm@dlu.edu.vn
26	Dương Hữu Biên	Trưởng khoa	Khoa Ngữ văn và Lịch sử	biendh@dlu.edu.vn
27	Trần Thị Bảo Giang	Phó Trưởng khoa	Khoa Ngữ văn và Lịch sử	giangtb@dlu.edu.vn
28	Lê Xuân Hưng	Phó Trưởng khoa	Khoa Ngữ văn và Lịch sử	hunglx@dlu.edu.vn
29	Cao Thị Làn	Trưởng khoa	Khoa Nông Lâm	lanct@dlu.edu.vn
30	Phạm Ngọc Tuấn	Phó Trưởng khoa	Khoa Nông Lâm	tuanpn@dlu.edu.vn
31	Nguyễn Cao Luyện	Phó Trưởng khoa PT	Khoa Quốc tế học	luyennc@dlu.edu.vn
32	Bùi Thị Thoa	Phó Trưởng khoa	Khoa Quốc tế học	thoabt@dlu.edu.vn
33	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Phó Trưởng khoa	Khoa Quốc tế học	hanhnth@dlu.edu.vn
34	Trần Văn Tiến	Trưởng khoa	Khoa Sinh học	tientv@dlu.edu.vn
35	Nguyễn Khoa Trường	Phó Trưởng khoa	Khoa Sinh học	truongnk@dlu.edu.vn
36	Hoàng Thị Bình	Phó Trưởng khoa	Khoa Sinh học	binhht@dlu.edu.vn
37	Lê Vũ Đình Phi	Trưởng khoa	Khoa Sư phạm	philvd@dlu.edu.vn
38	Nguyễn Thị Ái Minh	Phó Trưởng khoa	Khoa Sư phạm	minhnta@dlu.edu.vn
39	Đỗ Thị Phương Lan	Phó Trưởng khoa	Khoa Sư phạm	landtp@dlu.edu.vn
40	Phan Minh Đức	Trưởng khoa	Khoa Tài chính - Kế toán	ducpm@dlu.edu.vn



41	Lê Vũ Phương Thảo	Phó Trưởng khoa	Khoa Tài chính - Kế toán	thaolvp@dlu.edu.vn
42	Trịnh Đức Tài	Trưởng khoa	Khoa Toán - Tin học	taitd@dlu.edu.vn
43	Dương Văn Hải	Phó Trưởng khoa	Khoa Toán - Tin học	haidv@dlu.edu.vn
44	Nguyễn An Sơn	Trưởng khoa	Khoa Vật lý và Kỹ thuật hạt nhân	sonna@dlu.edu.vn
45	Nguyễn Đăng Chiến	Phó Trưởng khoa	Khoa Vật lý và Kỹ thuật hạt nhân	chiennnd@dlu.edu.vn
46	Vũ Thị Thùy Dung	Trưởng khoa	Khoa Xã hội học và Công tác xã hội	dungvtt@dlu.edu.vn
47	Đỗ Văn Toàn	Phó Trưởng khoa	Khoa Xã hội học và Công tác xã hội	toandv@dlu.edu.vn
48	Nguyễn Duy Hải	Giám đốc	Khu Nội trú	haind@dlu.edu.vn
49	Phạm Hồng Hải	Trưởng Phòng	Phòng Chính trị và Công tác sinh viên	haiph@dlu.edu.vn
50	Hoàng Việt Bách Khoa	Phó Trưởng phòng	Phòng Chính trị và Công tác sinh viên	khoahvb@dlu.edu.vn
51	Phan Hoàng Đại	Trưởng Phòng	Phòng Cơ sở Vật chất	daiph@dlu.edu.vn
52	Phạm Mạnh Hùng	Phó Trưởng phòng	Phòng Cơ sở Vật chất	hungpm@dlu.edu.vn
53	Lê Thị Anh Tú	Trưởng Phòng	Phòng Quản lý chất lượng	tulta@dlu.edu.vn
54	Trần Hữu Duy	Trưởng Phòng	Phòng Quản lý Đào tạo	duyth@dlu.edu.vn
55	Hoàng Minh Tiến	Phó Trưởng phòng	Phòng Quản lý Đào tạo	tienhm@dlu.edu.vn
56	Võ Tấn Tú	Trưởng Phòng	Phòng Quản lý Đào tạo Sau Đại học	tuvt@dlu.edu.vn
57	Nguyễn Văn Ngọc	Trưởng Phòng	Phòng Quản lý khoa học - Hợp tác Quốc tế	ngocnv@dlu.edu.vn
58	Nguyễn Cảnh Chương	Phó Trưởng phòng	Phòng Quản lý khoa học - Hợp tác Quốc tế	chuongnc@dlu.edu.vn
59	Vũ Tuấn Anh	Trưởng Phòng	Phòng Tài chính	anhvt@dlu.edu.vn
60	Hà Thị Mai	Phó Trưởng phòng	Phòng Tài chính	maiht1@dlu.edu.vn
61	Đỗ Thị Thanh Loan	Phó Trưởng phòng	Phòng Tài chính	loandtt@dlu.edu.vn
62	Nguyễn Văn Tuấn	Trưởng Phòng	Phòng Tạp chí và Truyền thông	tuannv@dlu.edu.vn
63	Văn Quang Viên	Trưởng Phòng	Phòng Thanh tra - Pháp chế	vienvq@dlu.edu.vn

64	Phạm Thị Phong Lan	Phó Trưởng phòng	Phòng Thanh tra - Pháp chế	lanptp@dlu.edu.vn
65	Phan Tuấn Anh	Trưởng Phòng	Phòng Tổ chức - Hành chính	anhpt@dlu.edu.vn
66	Vương Nữ Minh Khuê	Phó Trưởng phòng	Phòng Tổ chức - Hành chính	khuevnm@dlu.edu.vn
67	Võ Thị Thanh Linh	Phó Trưởng phòng	Phòng Tổ chức - Hành chính	linhvtt@dlu.edu.vn
68	Phan Ngọc Đông	Giám đốc	Thư viện	dongpn@dlu.edu.vn
69	Phạm Thị Hoa Hạnh	Phó Giám đốc	Thư viện	hanhpth@dlu.edu.vn
70	Võ Thuấn	Phó Giám đốc	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh	thuanv@dlu.edu.vn
71	Trần Mạnh Quý	Giám đốc	Trung tâm Hỗ trợ khởi nghiệp	quytm@dlu.edu.vn
72	Lương Văn Dũng	Giám đốc	Trung tâm Nghiên cứu Đa dạng sinh học và Biến đổi khí hậu	dunglv@dlu.edu.vn
73	Nguyễn Bá Nam	Phó Giám đốc	Trung tâm Nghiên cứu Đa dạng sinh học và Biến đổi khí hậu	namnb@dlu.edu.vn
74	Nguyễn Đình Trung	Giám đốc	Trung tâm Phân tích và Kiểm định	trungnd@dlu.edu.vn

### 1.8 Các văn bản khác của Trường Đại học Đà Lạt:

a) Chiến lược phát triển Trường Đại học Đà Lạt giai đoạn 2021-2025, định hướng 2030: ban hành kèm theo Nghị quyết định số 23/NQ-ĐHDL-HĐT ngày 12/01/2022 (đường link: <https://dlu.edu.vn/chien-luoc-phat-trien-hoi-dong-truong/>).

b) Quy chế dân chủ ở cơ sở: Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Trường Đại học Đà Lạt được ban hành kèm theo Nghị quyết số 99/NQ-ĐHDL-HĐT ngày 24/02/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Đà Lạt; Nghị quyết số 977/NQ-HĐT ngày 24/10/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 99/NQ-ĐHDL-HĐT ngày 24/02/2021 về ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Trường Đại học Đà Lạt. (đường link: <https://dlu.edu.vn/quy-che-thuc-hien-dan-chu-trong-hoat-dong-cua-truong-dai-hoc-da-lat/>).

c) Các Nghị quyết của Hội đồng trường: đường link <https://dlu.edu.vn/category/tin-tuc/hoi-dong-truong/nghi-quyet-cua-hoi-dong-truong/>

d) Quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính: đường link: <https://dlu.edu.vn/phong-tchc-van-ban>, <https://dlu.edu.vn/quy-che-tai-chinh-cua-truong-dai-hoc-da-lat/>

đ) Kế hoạch và thông báo tuyển dụng của Trường Đại học Đà Lạt: đường link <https://dlu.edu.vn/category/tin-tuc/phong-to-chuc-hanh-chinh/tuyen-dung-phong-to-chuc-hanh-chinh>

## II. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

### 1. Các chỉ số đánh giá về đội ngũ giảng viên toàn thời gian

TT	Chỉ số đánh giá	Năm 2023	Năm 2022
1	Tỉ lệ người học quy đổi trên giảng viên	31	44
2	Tỉ lệ giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động	100%	100%
3	Tỉ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ	38.7%	37.74%

(Ghi chú: Số liệu tính đến hết ngày 31 tháng 12 hằng năm)

### 2. Thống kê đội ngũ giảng viên toàn thời gian theo các lĩnh vực đào tạo

TT	Đội ngũ giảng viên	Số lượng	Trình độ			Chức danh	
			Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	PGS	GS
I	<b>Giảng viên toàn thời gian</b>	<b>313</b>	<b>30</b>	<b>162</b>	<b>121</b>	<b>17</b>	<b>1</b>
1	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	42	5	28	9		
2	Nhân văn	47	5	18	24	3	
3	Khoa học xã hội và hành vi	36	10	21	5		
4	Kinh doanh và quản lý	47	1	27	19	4	
5	Pháp luật	35	3	22	10		
6	Khoa học sự sống	24	1	8	15	2	
7	Khoa học tự nhiên	8	0	0	8	3	
8	Toán và thống kê	9	0	3	6	2	1
9	Máy tính và công nghệ thông tin	16	3	8	5		
10	Công nghệ kỹ thuật	4	0	3	1		
11	Kỹ thuật	8	0	1	7	3	
12	Sản xuất và chế biến	5	0	1	4		
13	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	4	0	3	1		
14	Sức khỏe	5	0	4	1		
15	Dịch vụ xã hội	5	1	3	1		
16	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân	18	1	12	5		

<b>II</b>	<b>Giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động</b> ( <i>tuương tự phần I – GV toàn thời gian</i> )						
-----------	--	--	--	--	--	--	--

(Ghi chú: Số liệu tính đến hết ngày 31 tháng 12 hằng năm)

### 3. Thống kê đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên khối hành chính và hỗ trợ

TT	Chỉ số đánh giá	Năm 2023	Năm 2022
1	Số cán bộ quản lý khối hành chính và hỗ trợ	27	28
2	Số nhân viên khối hành chính và hỗ trợ	96	92
3	Tỉ lệ cán bộ quản lý và nhân viên khối hành chính và hỗ trợ trên tổng số giảng viên toàn thời gian	0.39	0.37

(Ghi chú: Số liệu tính đến hết ngày 31 tháng 12 hằng năm)

## III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

### 1. Các chỉ số đánh giá về cơ sở vật chất

TT	Chỉ số đánh giá	Năm 2023	Năm 2022
1	Diện tích đất/người học (m <sup>2</sup> )	28,88	27,10
2	Diện tích sàn/người học (m <sup>2</sup> )	3,367	3,16
3	Tỉ lệ giảng viên có chỗ làm việc riêng biệt	>70%	>70%
4	Số đầu sách/ngành đào tạo	2.393,8	2.393,8
5	Số bản sách/người học	21,73	20,39
6	Tỉ lệ học phần sẵn sàng giảng dạy trực tuyến	90%	90%
7	Tốc độ Internet/1.000 người học (Mbps)	200-250 Mb/s	200-250 Mb/s

(Ghi chú: Số liệu tính đến hết ngày 31 tháng 12 hằng năm)

### 2. Diện tích đất và diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo

TT	Địa điểm	Địa chỉ	Diện tích đất (m <sup>2</sup> )	Diện tích sàn (m <sup>2</sup> )
1	Khu A	01 Phù Đổng Thiên Vương, P.8, Đà Lạt	298.055	35.502
2	Khu B	95 Lý Nam Đế, P.8, Đà Lạt	38.583	3.676
3	Khu B7	207 Phù Đổng Thiên Vương, P.8, Đà Lạt	4.400	588
<b>Tổng cộng</b>			341.038	39.766

### 3. Các hạng mục cơ sở vật chất được đầu tư mới trong năm

TT	Hạng mục đầu tư	Địa điểm	Kinh phí (triệu đồng)
1	Nâng cấp tòa nhà	Khu A, B	10.000
2	Nâng cấp phòng thí nghiệm	Khu A, B	10.000
<b>Tổng cộng</b>			20.000

#### IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

##### 1. Kiểm định cơ sở giáo dục

- Tên tổ chức kiểm định:

+ Tên đầy đủ: Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục – Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

+ Tên viết tắt: CEA HCM.

- Tiêu chuẩn kiểm định được áp dụng: Thông tư 12/2017/TT-BGDĐT ban hành ngày 19/5/2017.

- Mức độ đạt kiểm định: Đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Điểm trung bình của các tiêu chuẩn trong từng lĩnh vực:

+ Đảm bảo chất lượng về chiến lược: 3,82;

+ Đảm bảo chất lượng về hệ thống: 3,50;

+ Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng: 3,58;

+ Kết quả hoạt động: 3,52.

- Thời gian hiệu lực: từ ngày 23 tháng 7 năm 2019 đến ngày 23 tháng 7 năm 2024.

##### 2. Danh mục chương trình đào tạo được kiểm định:

TT	Mã ngành	Tên ngành	Tên chương trình	Tên tổ chức kiểm định	Thời gian hiệu lực
1	7760101	Công tác xã hội	Công tác xã hội	CEA HCM	Từ 6/10/2022 đến 6/10/2027
2	7310608	Đông phương học	Đông phương học	CEA HCM	Từ 6/10/2022 đến 6/10/2027
3	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	CEA HCM	Từ 6/10/2022 đến 6/10/2027
4	7220201	Ngôn ngữ anh	Ngôn ngữ anh	CEA HCM	Từ 6/10/2022 đến 6/10/2027
5	7380101	Luật	Luật	CEA HCM	Từ 6/10/2022 đến 6/10/2027
6	7340101	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	AUN-QA	Từ 2/1/2023 đến 2/1/2028
7	7420201	Công nghệ sinh học	Công nghệ sinh học	AUN-QA	Từ 2/1/2023 đến 2/1/2028
8	7620109	Nông học	Nông học	AUN-QA	Từ 2/1/2023 đến 2/1/2028
9	7340301	Kế toán	Kế toán	AUN-QA	Từ 24/9/2023 đến 24/9/2028
10	7480201	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	AUN-QA	Từ 24/9/2023 đến 24/9/2028

#### V. KẾT QUẢ TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO

##### 1. Các chỉ số đánh giá về tuyển sinh và đào tạo

TT	Chỉ số đánh giá	Năm 2023	Năm 2022
1	Tỉ lệ nhập học trung bình 3 năm	102.6%	95%
2	Tỉ số tăng giảm quy mô đào tạo 3 năm	14%	21%
3	Tỉ lệ thôi học	7.92%	8.25%
4	Tỉ lệ thôi học năm đầu	1.27%	0.84%
5	Tỉ lệ tốt nghiệp	36,6%	38,9%
6	Tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn	36,6%	38,9%
7	Tỉ lệ người học hài lòng với giảng viên	Kỳ I năm 2023-2024 (4.29/5) <b>86%</b> Kỳ II năm 2023-2024 (4.27/5) <b>85%</b>	Kỳ I năm 2022-2023 (4.22/5) <b>84%</b> Kỳ II năm 2022-2023 (4.06/5) <b>81%</b>
8	Tỉ lệ người tốt nghiệp hài lòng tổng thể	Năm học 2023-2024 <b>(82,4%)</b>	Năm học 2022-2023 <b>(79%)</b>
9	Tỉ lệ người tốt nghiệp có việc làm đúng chuyên môn	<b>74%</b> (Tỷ lệ sinh viên có việc làm đúng ngành đào tạo + liên quan đến ngành đào tạo) / Tổng số sinh viên phân hồi khảo sát	<b>72%</b> (Tỷ lệ sinh viên có việc làm đúng ngành đào tạo + liên quan đến ngành đào tạo) / Tổng số sinh viên phân hồi khảo sát

## 2. Quy mô đào tạo, tuyển mới và tốt nghiệp trong năm

TT	Số lượng người học	Đang học	Tuyển mới	Tốt nghiệp	Tỷ lệ việc làm
<b>I</b>	<b>Đại học</b>	<b>11.081</b>	<b>5.096</b>	<b>2.248</b>	
1	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên				
	Chính quy	1039	293	146	100%
	Vừa làm vừa học	851	1088	135	
2	Nhân văn				
	Chính quy	973	323	131	94%
	Vừa làm vừa học	40	65	5	
3	Khoa học xã hội và hành vi				
	Chính quy	1360	330	162	99.1%
4	Báo chí và thông tin				
	Chính quy		590	212	
5	Kinh doanh và quản lý				
	Chính quy	1667	590	212	97.3%
	Vừa làm vừa học	258	86	111	
6	Pháp luật				
	Chính quy	1094	414	243	94.6%
	Vừa làm vừa học	911	292	333	
7	Khoa học sự sống				

	Chính quy	256	68	71	100%
8	Khoa học tự nhiên				
	Chính quy	25	10	8	100%
9	Toán và Thống kê				
	Chính quy	49	35	3	100%
10	Máy tính và công nghệ thông tin				
	Chính quy	616	240	60	97.8%
	Vừa làm vừa học	40			
11	Công nghệ kỹ thuật				
	Chính quy	79	63	9	100%
12	Kỹ thuật				
	Chính quy	17	5	5	
13	Sản xuất và chế biến				
	Chính quy	60	44	2	93.8%
14	Nông lâm nghiệp và thủy sản				
	Chính quy	138	48	29	100%
15	Sức khỏe				
	Chính quy	20	15		
16	Dịch vụ xã hội				
	Chính quy	86	36	22	91.3%
	Vừa làm vừa học	319	128	158	
17	Dịch vụ khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân				
	Chính quy	1166	323	191	96.9%
	Vừa làm vừa học	17	10		
<b>II</b>	<b>Thạc sĩ (và trình độ tương đương)</b>	<b>291</b>	<b>92</b>	<b>107</b>	
1	Nhân văn	59	35	11	
2	Kinh doanh và quản lý	96	23	51	
3	Pháp luật				
4	Khoa học sự sống	60	14	20	
5	Khoa học tự nhiên	36	14	8	
6	Toán và Thống kê	30	6	15	
7	Kỹ thuật	10		2	
8	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân				
<b>III</b>	<b>Tiến sĩ</b>	<b>18</b>	<b>4</b>	<b>5</b>	
1	Nhân văn	6		2	
2	Kinh doanh và quản lý				
3	Khoa học sự sống	6	2	1	
4	Khoa học tự nhiên	1			
5	Toán và Thống kê	2	1		
6	Kỹ thuật	3	1	2	

(Ghi chú: Số liệu tính đến hết ngày 31 tháng 12 hằng năm)

## VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

### 1. Các chỉ số đánh giá về hoạt động khoa học và công nghệ

TT	Chỉ số đánh giá	2023 - 2024	2022 - 2023
1	Tỉ trọng thu khoa học - công nghệ (năm tài chính)	12.27	12.71
2	Số công bố khoa học/giảng viên	0.79	0.52
3	Số công bố WoS, Scopus/giảng viên	0.21	0.14

### 2. Các đề tài nghiên cứu khoa học thực hiện trong năm 2023

TT	Đề tài nghiên cứu khoa học	Số lượng	Kinh phí thực hiện trong năm 2023
1	Đề tài cấp Nhà nước	2	1.662
2	Đề tài cấp bộ, tỉnh	6	4.485
3	Đề tài cấp cơ sở	21	870
4	Đề tài hợp tác doanh nghiệp (trong nước)	1	3.500
5	Đề tài hợp tác quốc tế	2	4.070
<b>Tổng số</b>		<b>33</b>	<b>14.587</b>

(Ghi chú: Số liệu tính đến hết ngày 31 tháng 12 hàng năm)

### 3. Kết quả công bố khoa học, công nghệ

TT	Công trình công bố	2023 - 2024	2022 - 2023
1	Tổng số bài báo khoa học được HĐGSNN công nhận không nằm trong danh mục WoS, Scopus và bằng độc quyền giải pháp hữu ích	174	181
2	Tổng số công bố WoS, Scopus tất cả các lĩnh vực	61	42
3	Tổng số sách chuyên khảo, số tác phẩm nghệ thuật và thành tích thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế	03 (sách chuyên khảo)	10 (sách chuyên khảo)
4	Tổng số bằng độc quyền sáng chế		
5	Tổng số bằng độc quyền giải pháp hữu ích		

## VII. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

### 1. Các chỉ số đánh giá về tài chính

TT	Chỉ số đánh giá	Năm 2023	Năm 2022
1	Biên độ hoạt động trung bình 3 năm	23,8%	28,1%
2	Chỉ số tăng trưởng bền vững	39,3%	18,5%

### 2. Kết quả thu chi hoạt động



TT	Chỉ số thống kê	Năm 2023	Năm 2022
<b>A</b>	<b>TỔNG THU HOẠT ĐỘNG</b>	<b>251.719.672.965</b>	<b>203.378.067.417</b>
<b>I</b>	<b>Hỗ trợ chi thường xuyên từ Nhà nước/nhà đầu tư</b>	95.636.134.904	74.234.839.755
<b>II</b>	<b>Thu giáo dục và đào tạo</b>	150.393.630.573	129.093.227.662
1	Học phí, lệ phí từ người học	140.439.825.408	120.381.717.581
2	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN	0	0
3	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài	0	0
4	Thu khác	9.953.805.165	8.711.510.081
<b>III</b>	<b>Thu khoa học và công nghệ</b>	5.689.907.488	50.000.000
1	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN	0	0
2	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài	5.689.907.488	50.000.000
3	Thu khác	0	0
<b>IV</b>	<b>Thu khác (thu nhập ròng)</b>	0	0
<b>B</b>	<b>TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG</b>	<b>198.265.733.760</b>	<b>159.547.701.401</b>
<b>I</b>	<b>Chi lương, thu nhập</b>	54.929.747.793	48.808.583.636
	Chi lương, thu nhập	54.929.747.793	48.808.583.636
<b>II</b>	<b>Chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi cho đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ, chi phí chung, chi khác)</b>	80.112.456.099	76.105.984.927
<b>III</b>	<b>Chi hỗ trợ người học</b>	63.223.529.868	34.633.132.838
1	Chi học bổng và hỗ trợ học tập	58.781.078.829	29.004.657.454
2	Chi hoạt động nghiên cứu	4.442.451.039	5.628.475.384
3	Chi hoạt động khác	0	0
<b>IV</b>	<b>Chi khác</b>	0	0
<b>C</b>	<b>CHÊNH LỆCH THU CHI</b>	<b>53.453.939.205</b>	<b>43.830.366.016</b>

### VIII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

Trường đã mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành và được Bộ Giáo dục và Đào tạo giao chỉ tiêu tuyển sinh; Liên kết đào tạo trình độ đại học theo hình thức vừa làm vừa học với Trường Cao đẳng Công nghệ Sài Gòn; Liên kết đào tạo với nước ngoài trình độ đại học giữa Trường Đại học Đà Lạt với Trường Đại học Sunderland – Anh Quốc.

Hoàn thành và nghiệm thu đưa vào sử dụng hiệu quả 02 dự án: Dự án đầu tư phòng thí nghiệm ứng dụng công nghệ cao trong bảo quản và chế biến sau thu hoạch và dự án tăng cường thiết bị hạ tầng Công nghệ thông tin phục vụ công tác chuyển đổi số.

Tổ chức “Ngày hội việc làm - Kết nối doanh nghiệp” năm 2024 với sự tham dự 72 doanh nghiệp, tổ chức ký kết hợp tác (MOU) giữa Trường Đại học Đà Lạt với 12 doanh nghiệp, ra mắt cổng thông tin việc làm của Trường Đại học Đà Lạt. Tổ chức các hội thảo về định hướng phương pháp học tập, kỹ năng viết CV, phỏng vấn, định hướng ngành nghề và chia sẻ kinh nghiệm nghề nghiệp; tập huấn về phòng cháy chữa cháy, cứu hộ, cứu nạn cho cán bộ, sinh viên Trường Đại học Đà Lạt và người dân các phường lân cận.

Trường đã có tổng cộng 85 bài báo khoa học uy tín trong nước và quốc tế (29 bài báo được đăng trên các tạp chí thuộc danh mục ISI/Scopus, 56 bài báo đăng trên các tạp chí có mã số ISSN trong và ngoài nước); GS.TS. Phạm Tiến Sơn, giảng viên cao cấp Khoa Toán - Tin học của Trường đã đạt giải nhất “Giải thưởng công trình toán học xuất sắc năm 2023 thuộc Chương trình trọng điểm quốc gia phát triển toán học giai đoạn 2021-2023”.

Tổ chức Hội thảo khoa học Trường thu về Công nghệ thông tin “Trí tuệ nhân tạo giải thích được”; “Hội nghị về hệ động và hình học nửa đại số: Tương tác với Tối ưu hoá và Học sâu”, “Đại số-Lý thuyết số-Hình học-Tô pô 2024 (Dahito)”, Hội thảo khoa học về “Tìm hiểu các lĩnh vực nghiên cứu về môi trường của Đại học quốc gia Changwon và trường Đại học Đà Lạt”. Triển khai dự án hợp tác nghiên cứu với Cơ quan Năng lượng Nguyên tử Quốc tế IAEA; Dự án nghiên cứu với Quỹ FRANKRIANA (Thụy Sĩ); Dự án với Cục Kiểm dịch Động thực vật Hàn Quốc (APQA), Viện Tài nguyên Sinh học Hàn Quốc (NIBR).

Phối hợp với Ban chỉ đạo Dự án Đảm bảo chất lượng dựa trên dữ liệu (DDQA) triển khai Dự án Đảm bảo chất lượng dựa trên dữ liệu (DDQA) cùng với đại diện AUN-QA. Hoàn thành báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn AUN - QA cho các ngành: Sư phạm Tiếng Anh, Giáo dục tiểu học, Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông, Thạc sĩ hóa phân tích. Hoàn thành đánh giá ngoài 02 chương trình đào tạo theo bộ tiêu chuẩn AUN-QA: Công nghệ thông tin và Kế toán.

Trường đã xuất bản 5 số tạp chí (thuộc các Tập 13 và 14) bằng tiếng Anh; 04 ngành, liên ngành thuộc Tạp chí Khoa học Đại học Đà Lạt bao gồm Sinh học, Sử học-Khảo cổ học-Dân tộc học, Nhân học, Văn học và Kinh tế được Hội đồng GSNN công nhận mức điểm tối đa (từ 1,00 đến 1,25) và trở thành một trong số ít các tạp chí hàng đầu của quốc gia trong các lĩnh vực học thuật này.

**Nơi nhận:**

- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- HĐT, BGH (để báo cáo);
- Công khai trên website Trường;
- Lưu: VT, TCHC. ll

**HIỆU TRƯỞNG**



*Lê Minh Chiến*